

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN NAM SÁCH  
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 08/9/2020

*V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con  
chung khi ly hôn*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NAM SÁCH, TỈNH HẢI DƯƠNG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Trọng Bách.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Ông Nguyễn Đắc Quýnh và bà Trần Thị Liên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Nguyễn Minh Đức- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách tham gia phiên tòa:***  
Ông Phùng Văn Huân- Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 13/7/2020 về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 06/8/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số 12/2020/QĐST-HNGĐ ngày 26/8/2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Minh H, sinh năm 1996.

ĐKHKTT: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn T, xã N, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt tại phiên tòa.

*Người làm chứng:*

Bà Trần Thị T- sinh năm 1976;

Địa chỉ: Thôn T, xã Q, huyện N, tỉnh Hải Dương.

Có mặt tại phiên tòa.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và ý kiến tại các buổi làm việc với Tòa án, nguyên đơn chị Trần Thị Minh H trình bày: Chị H và anh Nguyễn Văn H1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã N ngày 26/02/2017, hai bên gia đình tổ chức cưới theo nghi lễ truyền thống. Sau ngày cưới chị H về nhà anh H1 ở thôn T, xã N chung sống. Vợ chồng hạnh phúc được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, do vợ chồng sinh sống chung nhà với bố mẹ chồng và vợ chồng anh em của anh H1 nên trong cuộc gặp nhiều khúc mắc, mâu thuẫn, trong khi đó anh H1 không có công ăn việc làm ổn định, thường xuyên rượu chè, khi vợ chồng cãi nhau thì anh H1 nghe gia đình anh hắt hủi chị. Sau khi sinh con thì mâu thuẫn càng căng thẳng nên đến tháng 4/2019 chị đã dọn đồ và đưa con về nhà đẻ tại thôn T, xã Q ở sống ly thân đến nay. Xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không có tương lai nên chị có đơn đề nghị Tòa án cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung là Nguyễn Anh T- sinh ngày 19/12/2017, hiện con chung đang do chị H nuôi dưỡng. Khi ly hôn do con còn nhỏ và đang ở ổn định với chị nên chị H xin được tiếp tục nuôi dưỡng và không yêu cầu anh H1 phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị. Mức thu nhập của chị hiện nay 7.000.000đ/tháng.

Về quan hệ tài sản, vay nợ, công sức chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn anh Nguyễn Văn H1 tại Bản tự khai, Biên bản ghi lời khai, Biên bản họp công khai chứng cứ đều trình bày: Xác định việc xác lập quan hệ hôn nhân như chị H trình bày là đúng. Nhưng mâu thuẫn vợ chồng là do nhiều nguyên nhân: Do vợ chồng sống chung nhà với bố mẹ đẻ và vợ chồng anh trai nên trong sinh hoạt cũng có xích mích. Đến tháng 8/2019 do có mâu thuẫn giữa chị H với mẹ anh nên anh có nóng nảy mắng chửi, đuổi chị H khỏi nhà. Chị H đã dọn đồ và đưa con về nhà đẻ tại thôn T, xã Q ở đến nay. Anh và gia đình đã đến tìm đón chị H về đoàn tụ nhưng chị H không chịu về đoàn tụ. Quan điểm của anh xác định vợ chồng cũng có mâu thuẫn, xích mích nhưng chỉ là mâu thuẫn nhỏ có thể hòa giải để đoàn tụ được. Nay chị H có yêu cầu ly hôn anh mong muốn được hòa giải đoàn tụ, còn nếu chị H cương quyết ly hôn thì anh đành chấp nhận.

Về con chung: Vợ chồng tôi có 01 con chung là Nguyễn Anh T- sinh ngày 19/12/2017, hiện con chung đang do chị H nuôi dưỡng. Nếu ly hôn nguyện vọng của anh muốn nuôi con nhưng do con chung còn nhỏ nên anh đồng ý để chị H tiếp

tục nuôi dưỡng. Do chị H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên anh không phải cấp dưỡng mà tùy tâm sẽ thăm và mua đồ cho con.

Về tài sản, vay nợ, công sức: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người làm chứng bà Trần Thị T- mẹ đẻ chị H, mẹ vợ anh H1 cung cấp: Chị H và anh H1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã N năm 2017. Sau ngày cưới chị H về nhà anh H1 tại N chung sống cùng với gia đình. Được thời gian ngắn thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do anh H1 không có việc làm ổn định, thường xuyên rượu chè, gia đình sống chung nhà gồm nhiều thế hệ và nhiều cặp vợ chồng nên giữa chị H với anh H1 thường xuyên bất đồng quan điểm, cãi nhau. Sau đó chị H sinh con thì mâu thuẫn càng lớn dẫn đến chị H đã dọn đồ và đưa con về nhà bà tại thôn T ở từ tháng 4/2019 đến nay. Thực tế anh H1 có đến tìm đón chị H và con về đoàn tụ nhưng khi đến nhà bà thì lại say xỉn nên chị H không về đoàn tụ.

Chị H và anh H1 có 01 con chung là Nguyễn Anh T- sinh ngày 19/12/2017, hiện đang ở với chị H và gia đình bà từ tháng 4/2019 đến nay.

Chị H hiện đi làm công nhân tại khu công nghiệp. Việc chăm sóc cháu T thì gia đình bà hỗ trợ tích cực cho chị H để chăm con tốt nhất. Bà hiện làm nghề nông nghiệp tại nhà, chồng bà làm nghề xây dựng. Điều kiện ăn ở, sinh hoạt của gia đình bà đủ để chị H và cháu T sống. Nếu chị H được nuôi con gia đình bà cam kết hỗ trợ chăm sóc tốt nhất cho cháu T.

Tại phiên toà: Chị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và các quan điểm như nội dung đã nêu ở trên.

Anh H1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nam Sách bày tỏ quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình thu thập chứng cứ, tiến hành tố tụng tại phiên toà đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật khi tham gia tố tụng. Về đường lối giải quyết đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng: Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Minh H ly hôn anh Nguyễn Văn H1. Về quan hệ con chung: Giao cho chị Trần Thị Minh H tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Anh T-

sinh ngày 19/12/2017 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở. Về công sức, tài sản chung: Không đặt ra việc xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị H phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

#### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của các đương sự, người làm chứng được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn, người tham gia tố tụng khác đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập đến tham gia tố tụng tại phiên tòa. Bị đơn anh H1 đã được tổng đạt hợp lệ 02 lần vắng mặt không có lý do. Do đó, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt anh H1.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Minh H và anh Nguyễn Văn H1 được tự do tìm hiểu, tự nguyện kết hôn, tổ chức đăng ký tại UBND xã N ngày 26/02/2017, hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo nghi thức truyền thống nên là hôn nhân hợp pháp.

[3] Xem xét về quá trình chung sống, mâu thuẫn giữa vợ chồng chị H và anh H1 thấy rằng: Vợ chồng chị H và anh H1 đã có mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung trong cuộc sống. Do phải sinh hoạt chung với gia đình nhà anh H1 nên từ mâu thuẫn trong gia đình dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng, trong khi đó anh H1 không có việc làm và thu nhập ổn định nên vợ chồng thường xuyên cãi vã. Anh H1 trong lúc nóng giận đã mắng chửi đũa đầu chị H. Chị H đã dọn đồ và đưa con về nhà để tại thôn T, xã Q sống ly thân từ tháng 4/2019 đến nay. Từ khi ly thân đến nay chị H và anh H1 không tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện công việc gia đình đã vi phạm nghĩa vụ vợ chồng quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh H1.

[4] Về con chung: Cháu Nguyễn Anh T- sinh ngày 19/12/2017 là con chung của chị Trần Thị Minh H và anh Nguyễn Văn H1. Hiện cháu T dưới 03 tuổi và đang sống ổn định cùng chị H. Chị H có nguyện vọng tiếp tục được nuôi dưỡng cháu T và tự nguyện không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con vì thu nhập của

chị 7.000.000đ/tháng đủ nuôi con, hơn nữa anh H1 không có việc làm và thu nhập ổn định. Anh H1 đồng ý giao con cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng. Vì vậy, giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu T đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở là phù hợp theo quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Về tài sản, vay nợ, công sức chung: Nguyên đơn chị H, bị đơn anh H1 không yêu cầu nên không phải giải quyết.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Minh H là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

*Vì các lý do trên,*

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Minh H ly hôn anh Nguyễn Văn H1.

2. Về con chung: Xử giao cho chị Trần Thị Minh H tiếp tục nuôi dưỡng con chung Nguyễn Anh T- sinh ngày 19/12/2017 đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có thay đổi khác. Anh H1 không phải cấp dưỡng nuôi con cùng chị H và được quyền thăm nom, chăm sóc con chung không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Trần Thị Minh H phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ mà chị H đã nộp theo biên lai thu số: AA/2018/0002729 ngày 13/7/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương. Chị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được giao hoặc bản án được niêm yết.

#### **Nơi nhận:**

- VKSND huyện Nam Sách;
- Chi cục THADS huyện Nam Sách;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- UBND xã Nam Tân;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**Nguyễn Trọng Bách**